

PHÒNG DKSX

NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	<b>TỔNG CỘNG</b>						<b>494 114</b>	<b>218 901</b>	<b>295 973</b>			
<b>I</b>	<b>CẢNG CHÍNH</b>						<b>89 904</b>	<b>27 184</b>	<b>62 720</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						<b>8 892</b>	<b>8 805</b>	<b>87</b>			
1	KDT HẢI PHÒNG	26/4	1123/4	30/4	HP 5902	CÁM 5B.1	1 450	1 439	11	28/4	PTCB	
2	COALIMEX	27/4	1129/4	30/4	QN 8223	CÁM 5A.1	5 312	5 263	49	28/4	PTCB	
3	KDT BẮC TRUNG BỘ	27/4	1133/4	30/4	NB 6488	CÁM 4B.1	1 000	996	4	28/4	TD	
4	HÀNG HẢI VN	21/4	1077/4	28/4	BN 1826	CỤC XỔ 1C	1 130	1 107	23	28/4	TD	
	<i>Tàu dự kiến rót trong ngày</i>						<b>29 555</b>	<b>18 379</b>	<b>11 176</b>			
1	ĐAM NINH BÌNH	28/4	278/4	30/4	NB 8519	CÁM 4A.1	3 005		3 005		HỘ LỚN	
2	NHÔM LÂM ĐỒNG	27/4	1135/4	30/4	HOÀNG ANH 568 (BN-2686)	CÁM 5A.1	3 350	3 048	302	RÓT DỖ	BAUXIT	
3	KDT MIỀN BẮC	26/4	1124/4	30/4	STAR CITY	CÁM 5A.1	11 150	7 387	3 763	RÓT DỖ	PTCB	
4	KDT MIỀN BẮC	26/4	1124/4	30/4	STAR CITY	CÁM 6A.1	10 850	7 509	3 341	RÓT DỖ	PTCB	
5	TRƯỜNG ANH 888	22/4	1084/4	30/4	BN 2196	CỤC XỔ 1C	1 200	435	765	RÓT DỖ	TD	
	<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						<b>51 457</b>		<b>51 457</b>			
1	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	28/4	281/4		HẢI NAM 88	CÁM 6A.1	23 000		23 000		HỘ LỚN	
2	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	28/4	283/4		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 6A.1	20 700		20 700		HỘ LỚN	
3	KDT HẢ BẮC	21/4	1071/4	30/4	BN 1828	CÁM 5A.1	2 250		2 250		PTCB	
4	XDCN MỎ	22/4	999/4	29/4	HP 6328	CỤC XỔ 1C	1 967		1 967		TD	GIA HẠN L1
5	VTT	23/4	1090/4	30/4	HP 6400	CỤC XỔ 1C	1 000		1 000		TD	
6	CROMIT	23/4	1096/4	30/4	HD 2225	CỤC XỔ 1C	1 040		1 040		TD	
7	VTA	28/4	1138/4	30/4	BN 2308	CỤC XỔ 1C	1 500		1 500		TD	
	<i>Tàu chuyển tải</i>						<b>206 390</b>	<b>97 439</b>	<b>108 951</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>						<b>49 100</b>	<b>49 107</b>	<b>- 7</b>			
1	ĐIỆN VŨNG ÁNG	16/4	256/4		QUANG VINH 188	CÁM 5A.10	22 800	22 798	2	28/4	HỘ LỚN	TTCO: 15.299,79 - CLM: 7.497,77
2	ĐIỆN DUYÊN HẢI	24/4	259-B/4		VIỆT THUẬN 30-06	CÁM 6A.14	26 300	26 309	- 9	29/4	HỘ LỚN	TTCO: 16.875,52 - CLM: 9.433,51
	<i>Tàu dự kiến rót trong ngày</i>						<b>77 550</b>	<b>48 332</b>	<b>29 218</b>			
1	ĐIỆN VĨNH TÂN 2	25/4	263-C/4		HẢI NAM 79	CÁM 6A.10	27 700	22 670	5 030	RÓT DỖ	HỘ LỚN	CLM: 9.000 - KVCP: 18.700
2	ĐIỆN DUYÊN HẢI	20/4	264/4		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 5B.14	26 300	19 162	7 138	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTHG: 16.300 - KDTCP: 10.000
3	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	21/4	266-B/4		GOLDEN STAR	CÁM 6A.1	23 550	6 500	17 050	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTHG: 19.000 - KVCP: 4.550
	<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>						<b>79 740</b>		<b>79 740</b>			
1	ĐIỆN VĨNH TÂN 2	24/4	277/4		PACIFIC 01	CÁM 6A.14	27 690		27 690		HỘ LỚN	KDTCP: 12.000 - CLM: 15.690
2	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	28/4	282/4		HẢI NAM 39	CÁM 6A.1	28 750		28 750		HỘ LỚN	TTHG: 23.000 - KVCP: 5.750

## CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

## BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
3	DIỆN VĨNH TÂN 1	28/4	284/4		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CÁM 6A.1	23 300		23 300		HỘ LỚN	TTHG: 18.000 - KVCP: 5.300
<b>II</b>	<b>KHO G9-HÓA CHẤT</b>						<b>45 948</b>	<b>7 332</b>	<b>38 616</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>						<b>6 431</b>	<b>6 085</b>	<b>346</b>			
1	SÔNG HỒNG	26/4	1119/4	30/4	BN 2112	CỤC 1B	1 100	1 084	16	28/4	TD	NGUỒN CS
2	TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN	25/4	2 035		QNL-TĐ 03	TNK (LÀO)	5 331	5 001	330	28/4		
	<i>Tàu dự kiến rót trong ngày</i>						<b>5 960</b>	<b>1 246</b>	<b>4 714</b>			
1	XNK THAN	23/4	944/04	30/4	BN 1135	CỤC 1B	910		910		TD	NGUỒN ĐN-CS
2	COALIMEX	22/4	1018/4	30/4	BN 2009	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
3	KDT HÀ NỘI	28/4	1140/4	30/4	BN 1336	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN CS
4	KDT BẮC TRUNG BỘ	28/4	1144/4	30/4	NB 2952	CỤC 1A	950		950		TD	NGUỒN ĐN-CS
5	TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN	27/4	2 064		CỬA ÔNG 15	TNK (LÀO)	2 100	1 246	854	BỐC DỖ		
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<b>33 557</b>		<b>33 557</b>			
1	THAN MIỀN TRUNG	22/4	1019/4	30/4	TRUNG KIẾN 01	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
2	ĐTTM&DV	22/4	1020/4	30/4	BN 0869	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-CS
3	ĐT TM & DV	27/4	1060/4	30/4	BN 2335	CỤC 1A	1 300		1 300		TD	NGUỒN ĐN-CS
4	VT QUẢNG NINH	23/4	945/04	30/4	BN 0718	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-CS
5	ĐT TM & DV	23/4	946/04	30/4	BN 1386	CỤC 1B	1 166		1 166		TD	NGUỒN ĐN-CS
6	VTT	24/4	962/04	30/4	NGÃN SƠN 39	CỤC 1B	2 050		2 050		TD	NGUỒN ĐN-CS
7	DVVT QN	23/4	1030/4	30/4	BN 1718	CỤC 1C	1 100		1 100		TD	NGUỒN TTCO
8	DVVT QN	27/4	1132/4	30/4	BN 0937	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
9	HÀNG HẢI VN	28/4	1139/4	30/4	HP 5097	CỤC 1C	1 190		1 190		TD	NGUỒN KC
10	MẶT TRỜI VIỆT NB	27/4	1134/4	30/4	NB 8707	DON 8C	1 300		1 300		TD	NGUỒN HL
11	ĐTTM&DV	23/4	941/4	30/4	PHÚC THỊNH 18	CÁM 8A	940		940		TD	NGUỒN ĐN-CS
12	ĐTTM&DV	23/4	941/4	30/4	PHÚC THỊNH 18	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN TN
13	DVVT QN	26/4	1122/4	30/4	BN 1829	CÁM 8A	1 500		1 500		TD	NGUỒN ĐN-CS
14	SÔNG HỒNG	26/4	1125/4	30/4	HP 6131	CÁM 8A	1 800		1 800		TD	NGUỒN ĐN-CS
15	VTA	28/4	1136/4	30/4	BN 2068	CÁM 8A	1 580		1 580		TD	NGUỒN ĐN-CS
16	KDT HẢI PHÒNG	28/4	1145/4	30/4	BN 2688	CÁM 8B	1 951		1 951		TD	NGUỒN ĐN-CS
17	TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN	27/4	2 064		CỬA ÔNG 19	TNK (LÀO)	2 100		2 100			
18	TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN	27/4	2 064		CỬA ÔNG 18	TNK (LÀO)	2 100		2 100			
19	MV GLEAMSTAR	28/4	2 080		CỬA ÔNG 06	TNK MOZAMBIQUE	2 300		2 300			
20	MV GLEAMSTAR	28/4	2 080		CỬA ÔNG 10	TNK MOZAMBIQUE	2 100		2 100			

PHÒNG DKSX

NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
21	MV GLEAMSTAR	28/4	2 081		CẨM PHẢ 21	TNK MOZAMBIQUE	3 880		3 880			
<b>III</b>	<b>KHO BẢO NGUYỄN</b>						<b>7 916</b>	<b>-</b>	<b>7 916</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>											
	<i>Tàu dự kiến rót trong ngày</i>						<b>3 904</b>		<b>3 904</b>			
1	ĐIỆN PHẢ LẠI	22/4	273/4	30/4	HN 0259	CẨM 5A.10	3 904		3 904		HỘ LỖN	
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<b>4 012</b>		<b>4 012</b>			
1	ĐIỆN PHẢ LẠI	21/4	268/4	30/4	QN 4080	CẨM 5A.10	1 620		1 620		HỘ LỖN	
2	ĐIỆN PHẢ LẠI	24/4	274/4	30/4	1 TĐ 12	CẨM 5B.14	2 392		2 392		HỘ LỖN	
<b>IV</b>	<b>KHO CẢNG KM6</b>						<b>16 822</b>	<b>11 916</b>	<b>4 906</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>						<b>11 056</b>	<b>10 864</b>	<b>192</b>			
1	COALIMEX	27/4	1 128	30/4	HP 5859	CẨM 5B.1	5 140	5 128	12	28/4	PTCB	
2	CROMIT	27/4	1 130	30/4	QUANG TRUNG 79	CẨM 6B.1	2 200	2 192	8	28/4	PTCB	
3	DVVT QN	22/4	1 086	30/4	BN 2189	CỤC 1B	1 400	1 240	160	28/4	TD	NGUỒN DH
4	KVDB	28/4	1 137	30/4	HD 6299	CẨM 6A.1	2 316	2 304	12	28/4	CHUYỂN VÙNG	
	<i>Tàu dự kiến rót trong ngày</i>						<b>4 500</b>	<b>1 052</b>	<b>3 448</b>			
1	CROMIT	28/4	1 141	30/4	HẢ HẢI 20	CẨM 5B.1	3 300		3 300		PTCB	
2	VTA	25/4	1 051	30/4	NB 8530	DON 8A	1 200	1 052	148		RÓT ĐỔ	TD
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<b>1 266</b>		<b>1 266</b>			
1	ĐTTM&DV	26/4	1 117	30/4	BN 0679	DON 8A	1 266		1 266		TD	
<b>V</b>	<b>TÀU XUẤT KHẨU</b>						<b>66 954</b>	<b>52 584</b>	<b>35 130</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>											
	<i>Tàu dự kiến rót trong ngày</i>						<b>66 954</b>	<b>52 584</b>	<b>35 130</b>			
1	BỈ	15/4	31-B/4/XK		MV ZHENG ZHI	CỤC 2B.2	22 000	20 760	22 000		RÓT ĐỔ	
2	BỈ	15/4	31-B/4/XK		MV ZHENG ZHI	CỤC 4A.3	11 000	4 735	6 265		RÓT ĐỔ	
3	BỈ	15/4	31-B/4/XK		MV ZHENG ZHI	CỤC 4B.3	11 000	5 900	5 100		RÓT ĐỔ	
4	BỈ	15/4	31-B/4/XK		MV ZHENG ZHI	CỤC 5A.1	8 280	8 250	30		RÓT ĐỔ	
5	BỈ	15/4	31-B/4/XK		MV ZHENG ZHI	CẨM 1	9 674	9 639	35		RÓT ĐỔ	
6	THÁI LAN	23/4	35-B/4/XK		MV HOANG TRIEU 69	CỤC 4B.3	5 000	3 300	1 700		RÓT ĐỔ	
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
<b>VI</b>	<b>TÀU NHẬP KHẨU</b>		<b>ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH</b>				<b>60 180</b>	<b>22 447</b>	<b>37 733</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>						<b>8 180</b>	<b>8 266</b>	<b>- 86</b>			
1	LÀO		CLM		TRƯỜNG NGUYỄN STAR		8 180	8 266	- 86	28/4		TTCO: 8.266,49

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	<i>Tàu dự kiến rót trong ngày</i>											
1	LÀO		CLM		TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN		12 600	9 130	3 470	BỐC DỖ		KVCP: 12.600
2	MOZAMBIQUE		CLM		GLEAMSTAR		9 400	5 051	4 349	BỐC DỖ		KVCP: 9.400
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
1	ÚC		CLM		MV GENEVA QUEEN		15 000		15 000			TTCO: 15.000
2	MOZAMBIQUE		CLM		MV MSXT HELEN		15 000		15 000			TTCO: 15.000